CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO2
Số : 21 / VNECO2/TCKT
V/v: Giải trình số liệu chệnh lệch BCTC năm 2019 trước và sau kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
****

Vinh, ngày 10 tháng 03 năm 2019

MẠNH XUÂN KỲ
Digitally signed by MẠNH XUÂN KỲ
DN: C=VN, S=NGHỆ AN, L=Vinh, OU=Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2, CN=MẠNH XUÂN KỲ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND: 182018751
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2020-03-11 09:58:54
Foxit Reader Version: 9.4.1

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2
2. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2.
3. Mã Chứng khoán: VE2
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 13 – Mai Hắc Đế – TP Vinh – Tỉnh Nghệ an
5. Điện thoại: 0383 842195 Fax: 0383 840 944
6. Website: http://www.VNECO2.com.vn
7. Sàn giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

M.S.D.N: 290054 CÔNG TY XÂY DỰNG VNECO2 T.NGHỆ

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 của công ty CPXD Điện VNECO2 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2 xin giải trình về việc chênh lênh giữa BCTC trước và sau kiểm toán chủ yếu do những nguyên nhân sau:

1. Về tài sản: Tổng tài sản tăng 236.162.260 đồng của BCTC sau kiểm toán 2019 so với BCTC chưa kiểm toán 2019.

- Tăng khoản phải thu ngắn hạn khách hàng do phân loại lại công nợ các công trình của công ty VNECO.

- Tăng dự phòng phải thu ngắn hạn do trích lập thêm theo chuẩn mực kê toán.

- Tăng giảm CPTT ngắn và dài hạn do phân loại lại các khoản ngắn và dài hạn.

- Gảm khoản thuế phải thu của nhà nước là do tăng khoản thuế phải nộp

- Tăng khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn do trích dự phòng.

2. Về nguồn vốn: Tổng nguồn vốn tăng 236.162.260 đồng của BCTC đã kiểm toán 2019 so với BCTC chưa kiểm toán 2019.

- Tăng khoản người mua trả tiền trước do phân loại lại công nợ các công trình của công ty VNECO

- Giảm khoản chi phí phải trả ngắn hạn do giảm khoản trích trước nhiều khoản thực tế chi, nay hoạch toán giảm.

- Giảm lợi nhuận chưa phân phối kỳ này do tăng khoản thuế TNDN phải nộp nhưng tổng lợi nhuận chưa phân phối tăng do phân loại lại khoản thuế TNDN theo quyết định thanh tra thuế.

3. Về kết quả sản xuất kinh doanh: Kết quả kinh doanh giảm 15.158.994 đồng của BCTC chưa kiểm toán 2019 so với BCTC sau kiểm toán 2019.

- Giá vốn giảm do giảm khoản trích trước. Chi phí quản lý tăng do trích các khoản dự phòng. Chi phí thuế TNDN tăng do phân loại lại khoản thuế theo biên bản kiểm tra thuế và tăng thuế TNDN phải nộp trong kỳ

4. Về lưu chuyển tiền tệ.

- Phân loại loại lại giữa các khoản giữa chi tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tiền thu từ thanh lý tài sản, tiền thu từ góp vốn vào đơn vị khác và tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức được nhận.

Số liệu cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU THAY ĐỔI CHỦ YẾU	31/12/2019 CHƯA KIỂM TOÁN	31/12/2019 ĐÃ KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
I. Tài sản	**28.717.906.968**	**28.954.069.228**	**236.162.260**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(901.173.464)	(915.240.858)	(14.067.394)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.493.838.752	7.757.845.468	264.006.716
Chi phí trả trước ngắn hạn	138.560.085	122.087.718	(16.472.367)
Chi phí trả trước dài hạn	50.843.439	67.315.806	16.472.367
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	56.320.607	47.215.279	(9.105.328)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.563.606)	(4.563.606)
II. Nguồn Vốn	**28.717.906.968**	**28.954.069.228**	**236.162.260**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.620.627.024	1.884.633.740	264.006.716
Phải trả ngắn hạn khác	470.068.679	468.632.734	(1.435.945)
Chi phí phải trả ngắn hạn	178.246.727	140.370.765	(37.875.962)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	423.919.314	435.386.765	11.467.451
III. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	19.670.876.042	19.633.000.080	-37.875.962
Chi phí tài chính	335.702.120	199.437.061	-136.265.059
Doanh thu h.động tài chính	394.537.634	258.993.451	-135.544.183
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.674.417.693	1.692.441.752	18.024.059
Thu nhập khác			
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.083.509	40.815.282	35.731.773
Lợi nhuận sau thuế tndn	**224.334.035**	**209.175.041**	**(15.158.994)**
VI. Lưu chuyển tiền tệ	**634.815.313**	**634.815.313**	
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và dt khác	21.933.771.160	20.320.644.366	(1.613.126.794)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(17.370.535.511)	(13.086.953.134)	4.283.582.377
Tiền chi trả cho người lao động	(4.303.676.856)	(4.053.896.995)	249.779.861
Tiền chi trả lãi vay	(27.752.869)	(23.796.204)	3.956.665
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.082.873.616	2.696.000.410	1.613.126.794
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(910.262.171)	(5.351.336.513)	(4.441.074.342)
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các ts dài hạn khác	(8.525.000)	(128.525.000)	(120.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	238.922.944	262.678.383	23.755.439

Kính trình UBCN nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư biết.

Trân trọng.

Nơi nhận :
- Như trên.
- Lưu VNECO2

Công ty CP xây dựng điện VNECO2

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2 TP.VINH - T.NGHỆ AN